



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: 024.38252791 - Fax: 024.38256911



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
DƯỢC LIỆU CHUẨN DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM

Số: 15/2024

MỘC HƯƠNG

(*Radix Aucklandiae*)

SKS: HP0324005

Rễ đã phơi, sấy khô của cây Mộc hương (*Aucklandia lappa* Decne.), họ Cúc (Compositae). Tên khác là Vân mộc hương, Quảng mộc hương [*Saussurea lappa* (DC) C. B. Clarke], họ Cúc (Asteraceae).

I. Mục đích sử dụng

Sử dụng trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng.

II. Mô tả: Bột màu vàng nâu.

III. Liên kết chuẩn

Dược liệu chuẩn Mộc hương (NIFDC – Trung), SKS: 120921-201309.

Chất chuẩn costunolid (Chengdu Biopurify Phytochemicals Ltd. – Trung Quốc), SKS: PRF23072442, HL: 99,5 % ($C_{15}H_{20}O_2$), tính theo nguyên trạng.

Chất chuẩn dehydrocostus lacton (Chengdu Biopurify Phytochemicals Ltd. – Trung Quốc), SKS: PRF22111501, HL: 99,9 % ($C_{15}H_{18}O_2$), tính theo khan, độ ẩm: 0,1 %.

IV. Kết quả phân tích

- Bột** : Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Mộc hương
- Định tính** : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết cùng màu và cùng giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu chuẩn Mộc hương và có các vết cùng màu sắc và cùng giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch chất chuẩn costunolid và dehydrocostus lacton.
Phương pháp SKLM
- Định lượng** : 3,8 % tổng hàm lượng costunolid ($C_{15}H_{20}O_2$) và dehydrocostus lacton ($C_{15}H_{18}O_2$), tính theo dược liệu khô kiệt.
Phương pháp HPLC
- Định lượng tinh dầu** : 0,7 %.

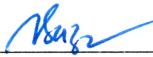
5. Độ ẩm : 8,0 %.

PP cất với dung môi

6. Tro toàn phần : 4,0 %.

V. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng.

VI. Bảo quản: Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra	Kiểm tra lần sau	Phụ trách khoa (ký)
	11/2025	

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

 VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Lê Quang Thảo

Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>